TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **01**/2019/DS-ST
Ngày: 28/01/2019
(*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phúc.
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Tư;
2. Bà Lê Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Đức Hùng – Kiểm sát viên

Vào ngày 28 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 231/2018/TLST – DS ngày 05 tháng 7 năm 2018 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 225/2018/QĐXX-ST ngày 20 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: L Th Đ, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp M, xã LT, huyện CL, tỉnh TG (có mặt).

Bị đơn: V Th Th S, sinh năm 1979 và Ph Th H, sinh năm 1976. Cùng địa chỉ: ấp M, xã LT, huyện CL, tỉnh TG (cùng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

****Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 07/5/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn L Th Đ trình bày:***

- Chị có cho vợ chồng chị V Th Th S và anh Ph Th H vay tiền nhiều lần để kinh doanh trại mộc, khi vay không có thỏa thuận mức lãi suất cụ thể nhưng có nói làm ăn được thì gửi tiền lãi cho chị. Ngày 27/6/2017 chị S có viết biên nhận có nội dung còn thiếu số tiền 403.000.000 đồng, hẹn đến tháng 12/2017 phải trả lại tiền vay và có ký tên vào. Do biên nhận chỉ có một mình chị S viết và ký tên nên chị có kêu chị V Th Th S và anh Ph Th H viết

lại biên nhận mới và cùng ký tên vào rồi đưa lại cho chị làm tin. Do chị V Th Th S và anh Ph Th H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nhiều lần và cũng không hỗ trợ tiền lãi như thỏa thuận và cũng không thừa nhận chữ ký của hai vợ chồng trong tờ biên nhận mới để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ chung. Nay chị yêu cầu chị V Th Th S và anh Ph Th H cùng liên đới trả lại số tiền 403.000.000 đồng theo nội dung của tờ biên nhận cũ viết ngày 27/6/2017 ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

**** Theo tờ tự khai ghi ngày 02/8/2018 và ngày 28/9/2018, bị đơn V Th Th S trình bày:***

Gia đình chị có mở trại mộc nên có qua lại với chị Đ về tiền bạc, từ năm 2016 do làm ăn thua lỗ nên có vay của chị Đ 190.000.000 đồng, đóng lãi hàng tháng là 14.500.000 đồng. Đến năm 2017 có vay thêm 50.000.000 đồng và đóng lãi đầy đủ. Từ tháng 06/2017 chị ngưng đóng lãi và xin cho trả vốn nhưng chị Đ không đồng ý. Đến tháng 4/2018 chị Đ đưa cho chị tờ giấy và kêu chị viết lại có nội dung còn nợ 403.000.000 đồng, chị có nói là không ghi như lời chị Đ, nếu viết thì ghi còn nợ gốc 240.000.000 đồng và nợ lãi 163.000.000 đồng, tổng cộng là 403.000.000 đồng, chị Đ không đồng ý nên kiện chị. Nay chị chỉ đồng ý trả số tiền 240.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng. Đây là nợ của cá nhân chị.

***** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, kết luận giám định, thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị V Th Th S và anh Ph Th H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng thủ tục tố tụng. Viện kiểm sát không có kiến nghị bổ sung thêm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị L Th Đ khởi kiện yêu cầu chị V Th Th S và anh Ph Th H trả số tiền vay nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu: Tại phiên tòa chị Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu chị S, anh H cùng liên đới trả cho chị số tiền 403.000.000 đồng, theo biên nhận ngày

27/6/2017 do chị S có viết. Chị S, anh H chỉ đồng ý trả số tiền 240.000.000 đồng và vắng mặt tại phiên tòa.

Tại tờ tự khai ghi ngày 02/8/2018 chị S trình bày "do có làm ăn thua lỗ nên có qua lại với chị Đ về chuyện tiền bạc, có vay của chị Đ 240.000.000 đồng. Đến tháng 4/2018 chị Đ đưa cho chị tờ giấy và kêu chị viết lại có nội dung còn nợ 403.000.000 đồng, chị có nói là không ghi như lời chị Đ, nếu viết thì ghi còn nợ gốc 240.000.000 đồng và nợ lãi 163.000.000 đồng, tổng cộng là 403.000.000 đồng, chị Đ không đồng ý, nên chị không viết và chị Đ kiện chị" (bút lục 15). Trong quá trình giải quyết vụ án chị S không thừa nhận các biên nhận nợ do chị Đ cung cấp trong đó có biên nhận 403.000.000 đồng ghi ngày 27/6/2017 (bút lục 19) mà chị Đ dùng làm chứng cứ khởi kiện vợ, chồng chị.

Theo Kết luận giám định số 1412/GĐ-PC09(Đ3), ngày 28/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Tiền Giang thì nội dung chữ viết, chữ ký và họ tên trong tờ biên nhận nợ ngày 27/6/2017 (bút lục 19) với chữ viết, chữ ký và họ tên trong tờ tự khai ngày 02/8/2018 của chị S (bút lục 15); chữ viết, chữ ký và họ tên trong tờ tự khai ngày 28/9/2018 của chị S (bút lục 16); chữ ký và họ tên trong biên bản giao giấy triệu tập ngày: 29/8/2018, ngày 22/8/2018, ngày 13/7/2018 của chị S là do cùng một người ký và viết ra. Nên đã đủ cơ sở cho Hội đồng xét xử kết luận chị S có vay của chị Đ số tiền 403.000.000 đồng theo tờ biên nhận nợ ngày 27/6/2017. Căn cứ vào Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ.

[4] Xét ý kiến của chị V Th Th S chỉ đồng ý trả cho chị Đ số tiền 240.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng, không được chị Đ đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[5] Xét ý kiến của chị S cho rằng chỉ có vay của chị Đ số tiền 240.000.000 đồng, quá trình vay vốn có đóng lãi cho chị Đ nhiều lần nhưng không được chị Đ thừa nhận, chị S không cung cấp chứng cứ để chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[6] Xét thấy biên nhận mượn tiền ngày 27/6/2017 chỉ có cá nhân chị S ký tên, nhưng chị S thừa nhận mục đích vay tiền là sử dụng chung trong gia đình, làm trại mộc và sử dụng chung trong thời kỳ hôn nhân nên ý kiến của chị S cho rằng đây là nợ riêng của cá nhân chị không được chấp nhận. Căn cứ vào Điều 288 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ, buộc chị V Th Th S và anh Ph Th H phải cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

[7] Xét thấy bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng giải quyết vụ án và dự phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt không lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý bất lợi của việc từ chối tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Trường hợp các bên có mâu thuẫn, đối lập về quyền lợi trong vụ án thì tự thỏa thuận với nhau hoặc yêu cầu giải quyết quyền lợi của mình theo quy định pháp luật.

[8] Về án phí: Chị V Th Th S và anh Ph Th H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền chị Đ yêu cầu và được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nội dung vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288, 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L Th Đ.

1. Buộc chị V Th Th S và anh Ph Th H cùng liên đới trả cho chị L Th Đ số tiền 403.000.000 đồng, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị L Th Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị V Th Th S và anh Ph Th H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Chị V Th Th S và anh Ph Th H phải chịu 20.120.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại chị L Th Đ 10.060.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 15737 ngày 05/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TG;*
- *VKSND huyện CL;*
- *Chi cục THADS huyện CL;*
- *Các Đ/S;*
- *Lưu;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hà Văn Phúc